

Số: 13 /2023/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 15 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Quy định giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Cà Mau

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt;

Thực hiện Kết luận số 228-KL/TU ngày 13 tháng 3 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Phương án điều chỉnh giá nước sạch sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Cà Mau và Công văn số 86/HĐND-TT ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh giá nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 86/TTr-STC ngày 12 tháng 4 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định giá nước sạch sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Cà Mau, áp dụng đối với Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau, Trung tâm nước sạch và Vệ sinh Môi trường nông thôn.

2. Đối tượng áp dụng: Đơn vị cấp nước sạch sinh hoạt và khách hàng sử dụng nước sạch sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Giá nước sạch sinh hoạt của các đơn vị cung cấp cụ thể như sau

1. Giá nước sạch sinh hoạt do Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau cung cấp:

1.1. Giá nước sạch sinh hoạt bình quân 8.200 đồng/m³.

1.2. Giá nước sạch sinh hoạt theo từng bậc thang đối với nhóm khách hàng như sau:

Số TT	Đối tượng, mục đích sử dụng	Lượng nước sạch sử dụng/tháng hạn mức	Từ tháng 6/2023	Năm 2024	Năm 2025 trở về sau
1	Nước sinh hoạt các hộ dân cư tại thành phố Cà Mau (hộ/tháng)	Từ 1m ³ đến 10m ³ đầu	6.000	6.000	6.600
		Trên 10m ³ - 20m ³ tiếp theo	7.450	7.450	8.200
		Trên 20m ³ - 30m ³ tiếp theo	8.250	8.250	9.800
		Trên 30m ³	9.100	9.100	11.500
2	Nước sinh hoạt các hộ dân cư tại các huyện (hộ/tháng)	Từ 1m ³ - 10m ³ đầu	5.900	5.900	6.500
		Trên 10m ³ - 20m ³ tiếp theo	7.150	7.150	7.900
		Trên 20m ³ - 30m ³ tiếp theo	7.900	7.900	9.400
		Trên 30m ³	8.850	8.850	11.300
3	Nước sinh hoạt các hộ nghèo (hộ/tháng)	Từ 1m ³ - 10m ³ đầu	4.900	4.900	5.400
		Trên 10m ³ tiếp theo	7.150	7.150	7.900
4	Nước sinh hoạt cơ quan hành chính, sự nghiệp (bao gồm cả trường học, bệnh viện), phục vụ mục đích công cộng	Theo thực tế sử dụng	8.900	8.900	9.800
5	Hoạt động sản xuất vật chất	Theo thực tế sử dụng	11.150	11.150	12.300
6	Kinh doanh dịch vụ	Theo thực tế sử dụng	12.400	12.400	14.800

(Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)

2. Giá nước sạch sinh hoạt do Trung tâm nước sạch và Vệ sinh Môi trường nông thôn cung cấp:

2.1. Giá nước sạch sinh hoạt bình quân 7.800 đồng/m³.

2.2. Giá nước sạch sinh hoạt theo từng bậc thang đối với nhóm khách hàng như sau:

Số TT	Đối tượng, mục đích sử dụng	Lượng nước sạch sử dụng/tháng hạn mức	Từ tháng 6/2023	Năm 2024	Năm 2025 trở về sau
1	Nước sinh hoạt các hộ dân cư (hộ/tháng)	Từ 1m ³ đến 10m ³ đầu	5.750	5.750	6.200
		Trên 10m ³ - 20m ³ tiếp theo	7.100	7.100	7.800
		Trên 20m ³ - 30m ³ tiếp theo	7.900	7.900	9.400
		Trên 30m ³	8.650	8.650	10.900
2	Nước sinh hoạt các hộ nghèo (hộ/tháng)	Từ 1m ³ đến 10m ³ đầu	4.750	4.750	5.100
		Trên 10m ³ tiếp theo	6.950	6.950	7.500
3	Nước sinh hoạt cơ quan hành chính, sự nghiệp (bao gồm cả trường học, bệnh viện), phục vụ mục đích công cộng	Theo thực tế sử dụng	8.700	8.700	9.400
4	Hoạt động sản xuất vật chất	Theo thực tế sử dụng	10.850	10.850	11.700
5	Kinh doanh dịch vụ	Theo thực tế sử dụng	12.000	12.000	14.000

(Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2023.

2. Quyết định số 17/2013/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh giá nước sạch trên địa bàn tỉnh Cà Mau hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Thủ trưởng các sở, ngành liên

quan thường xuyên kiểm tra việc thực hiện giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Cà Mau, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý kịp thời những vướng mắc phát sinh.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau, Giám đốc Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính (b/c);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL, b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT; TH (Th), M.A198/5.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Văn Bi